

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4754/BTC - KBNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2017

V/v hướng dẫn quy trình nhập và phân bổ dự toán, hạch toán kế toán ghi thu, ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, viện trợ từ nước ngoài

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình nhập và phân bổ dự toán, hạch toán kế toán ghi thu, ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, viện trợ như sau:

I. Yêu cầu quản lý chi từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài gồm nguồn thuộc NSTW và nguồn địa phương vay lại của Chính phủ (sau đây gọi là vốn vay ngoài nước)

1. Yêu cầu quản lý

Vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi được quản lý theo quy định hiện hành áp dụng đối với vốn NSNN và vốn đầu tư công. Việc phân bổ dự toán, kế hoạch vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi phải đúng thẩm quyền, đúng danh mục chương trình, dự án và mức vốn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính được ủy quyền) đối với vốn thuộc nguồn NSTW; theo Quyết định của Chủ tịch UBND (hoặc Sở Kế hoạch – Đầu tư, Sở Tài chính được ủy quyền) đối với nguồn địa phương vay lại của Chính phủ.

Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán, kế hoạch vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi hàng năm (bao gồm vốn vay ODA ghi thu, ghi chi đầu tư phát triển và vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi sự nghiệp) cho chương trình, dự án.

Đối với các dự án thuộc địa phương quản lý, khi phân bổ cần ghi rõ từng nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi và vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi Chính phủ cho địa phương vay lại theo đúng quy định Thông tư số 111/2016/TT-BTC.

Các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước (KBNN), việc rút vốn, chi tiêu và thanh toán của các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi được kiểm soát và thanh toán theo các quy định hiện hành đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước trong phạm vi kế hoạch vốn nước ngoài, vốn đối ứng hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung trong năm.

2. Nguyên tắc hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN từ nguồn vốn vay ngoài nước

- Thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Thông tư số 111/2016/TT- BTC, các khoản chi từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi theo dõi chi tiết mã nguồn theo quy định tại mục IV Công văn này; theo dõi chi tiết mã nhà tài trợ theo quy định tại Phụ lục II Công văn này.

- KBNN chỉ hạch toán ghi thu ghi chi vào TABMIS khi đã có đủ điều kiện thực chi cho dự án theo quy định của Luật NSNN.

II. Bổ sung tài khoản kế toán

1. Tài khoản 1982 - Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền là tài khoản cấp 3 của tài khoản 1981 - Tạm ứng kinh phí khác.

2. Tài khoản 3637 - Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại là tài khoản cấp 2 của tài khoản 3631 - Vay dài hạn trong nước để phản ánh khoản vay của Ngân sách (NS) tỉnh vay lại của Chính phủ từ khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

3. Tài khoản 3644 - Vay dài hạn nước ngoài ghi thu, ghi chi trong hạn là tài khoản cấp 3 của tài khoản 3641 - Vay dài hạn nước ngoài.

4. Tài khoản 3653 - Phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại đã được nhận nợ (tài khoản này chỉ phát sinh tại Sở Giao dịch KBNN) là tài khoản cấp 2 của tài khoản 3650 - Phải trả về tiền vay dài hạn nước ngoài đã được nhận nợ, phản ánh số vay của Chính phủ vay về cho địa phương vay lại chưa được cấp phát về cho địa phương.

5. Tài khoản 7113 - Thu ngân sách nhà nước qua ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 2 của tài khoản 7110 - Thu ngân sách nhà nước.

6. Các tài khoản 7312 - Thu chuyên giao các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 2 của tài khoản 7310 - Thu chuyên giao các cấp ngân sách để phản ánh số thu chuyên giao giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

7. Các tài khoản 8314 - Chi chuyển giao thường xuyên các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi, tài khoản 8315 - Chi chuyển giao đầu tư XDCB các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi và tài khoản 8316 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách từ nguồn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 2 của tài khoản 8310 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách để phản ánh số chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

8. Các tài khoản 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1 và tài khoản 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB phân bổ cho đơn vị cấp 1 là tài khoản cấp 2 của tài khoản 9250 - Dự toán phân bổ cho đơn vị cấp 1 để phản ánh dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB được phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được Thủ tướng Chính phủ giao (với dự toán NSTW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã).

9. Tài khoản 9594 - Dự toán ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 1 của tài khoản nhóm 95 - Dự toán chi đơn vị cấp 4.

Tài khoản này gồm 2 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 9595 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên bằng dự toán.
- Tài khoản 9597 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB bằng dự toán.

10. Các tài khoản cấp 3 của tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm để phản ánh dự toán chi chuyển giao thường xuyên, đầu tư XDCB ghi thu, ghi chi được giao trong năm ngân sách, gồm:

- Tài khoản 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm
- Tài khoản 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XDCB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm
- Tài khoản 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm

Nội dung ghi chép và kết cấu tài khoản bổ sung được hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo.

III. Bổ sung mã địa bàn hành chính

Đối với tài khoản 8954 - Chi thường xuyên từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi và tài khoản 8956 - Chi đầu tư XDCB từ vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi để theo dõi chi tiết khoản đã ghi chi NSNN theo từng nhà tài trợ cho vay ODA và vay ưu đãi được kết hợp với mã địa bàn hành chính là mã chi tiết của nhà tài trợ.

Danh mục mã địa bàn hành chính để theo dõi chi tiết các nhà tài trợ cho vay ngoài nước được hướng dẫn tại Phụ lục II kèm theo.

IV. Bổ sung mã nguồn kinh phí

Bổ sung các mã nguồn sau thuộc nhóm Mã nguồn 50 - Nguồn vốn ngoài nước:

- Mã nguồn 52 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW để đầu tư các chương trình, dự án.

- Mã nguồn 53 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

- Mã nguồn 54 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại.

Khi nhập dự toán nhập và phân bổ dự toán, hạch toán kế toán ghi thu, ghi chi vốn ODA, vốn vay ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cần chi tiết theo mã nguồn kinh phí. Trường hợp không chi tiết được theo các mã nguồn nêu trên sẽ sử dụng mã nguồn 98 – Vốn ngoài nước. Việc hạch toán chi tiết mã nguồn NSNN cần thống nhất từ khâu nhập và phân bổ dự toán đến khâu hạch toán chi NSNN.

V. Kế toán theo dõi vay nợ của Chính phủ

1. Kế toán theo dõi vay nước ngoài của Chính phủ đầu tư cho các dự án

Số vay nước ngoài của Chính phủ đầu tư cho dự án đã ghi nhận nợ được hạch toán kế toán tại Sở Giao dịch KBNN.

Căn cứ thông báo giải ngân cho các dự án do Cục QLN&TCĐN gửi, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi:

Nợ TK 1342 – Phải thu tiền vay cho dự án đã được nhận nợ

Có TK 3652 – Phải trả tiền vay dài hạn nước ngoài đã được nhận nợ

Khi thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội phê chuẩn, Cục Kế toán nhà nước thông báo cho Sở Giao dịch về số vay nợ nước ngoài của Chính phủ. Căn cứ thông báo của Cục KTNN, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi:

Nợ TK 3652 – Phải trả tiền vay dài hạn nước ngoài đã được nhận nợ

Có TK 1342 – Phải thu tiền vay cho dự án đã được nhận nợ

2. Kế toán theo dõi vay nước ngoài của Chính phủ về cho NSĐP vay lại

Số vay của NSĐP từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại đã ghi nhận nợ được hạch toán kế toán tại Sở Giao dịch KBNN.

Căn cứ thông báo của Cục QLN&TCĐN về số vay về cho địa phương vay lại đã được ghi nhận nợ, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 1343 – Phải thu về tiền vay cho vay lại đã được nhận nợ

Có TK 3653 – Phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho NSDP vay lại đã được nhận nợ

Căn cứ thông báo của Cục QLN&TCĐN về số vay về cho địa phương vay lại đã chuyển cho NSDP, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi:

Nợ TK 3653 – Phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho NSDP vay lại đã được nhận nợ

Có TK 1343 – Phải thu về tiền vay cho vay lại đã được nhận nợ

3. Kế toán đối với trường hợp ngân sách trung ương tạm ứng để chi trả nợ thay địa phương khoản vay ngoài nước cho nhà tài trợ

- Trường hợp đến thời hạn trả nợ cho nhà tài trợ nước ngoài nhưng quỹ tích lũy trả nợ/NS địa phương chưa trả nợ được, ngân sách trung ương phải thực hiện tạm ứng để trả nợ khoản vay này, căn cứ Lệnh chi tiền giấy đã được phê duyệt, cơ quan tài chính ghi (AP):

Nợ TK 1982 - Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền

Có TK 3392 - Phải trả trung gian AP

Kế toán viên KBNN thực hiện kiểm soát, nhận và in chứng từ phục hồi trên TABMIS và áp thanh toán (AP, ngày hiện tại):

Nợ TK 3392 - Phải trả trung gian AP

Có TK 1144, 1146, ...

- Khi quỹ tích lũy trả nợ thanh toán khoản nợ với NS trung ương:

Căn cứ chứng từ báo Có ngân hàng gửi đến, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1144, 1146, ...

Có TK1982 - Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài

VI. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước và viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

1. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương để đầu tư các chương trình, dự án

Dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương để đầu tư các chương trình, dự án: thực hiện theo quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1, từ cấp 1 đến cấp 4, cụ thể:

1.1. Quy trình nhập dự toán cấp 0 (Dự toán cấp 0 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi NSTW theo ngành, lĩnh vực Quốc hội quyết định hàng năm) từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: do Vụ Ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính) thực hiện theo hướng dẫn tại tiết 1.1.1, điểm 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền ngân sách trung ương áp dụng cho TABMIS (Công văn số 8859/BTC-KBNN).

1.2. Quy trình phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 (Dự toán giao cho đơn vị dự toán cấp 1 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi trong cân đối NSTW theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ (hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) giao của các Bộ, cơ quan Trung ương (đơn vị dự toán cấp 1)) từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: do Vụ NSNN thực hiện theo hướng dẫn tại tiết 1.2.1, điểm 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN.

1.3. Quy trình phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi:

a) Việc phân bổ dự toán từ cấp 1 tới cấp 4 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi do các Bộ, ngành tham gia trực tiếp TABMIS: thực hiện tương tự quy trình hướng dẫn tại tiết 2.1.1, điểm 2.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN.

- Đối với dự toán thường xuyên từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: Các Bộ, ngành nhập và Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp (Bộ Tài chính) phê duyệt.

- Đối với dự toán đầu tư XDCB từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: Bộ, ngành nhập và Vụ Đầu tư (Bộ Tài chính) phê duyệt.

b) Việc phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi cho các đơn vị thuộc Bộ, ngành không tham gia trực tiếp TABMIS thực hiện tương tự quy trình hướng dẫn tại tiết 2.1.1, điểm 2.1, khoản 2, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN.

- Đối với dự toán thường xuyên từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp (Bộ Tài chính) thực hiện nhập, phân bổ, phê duyệt.

- Đối với dự toán đầu tư XDCB từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: Vụ Đầu tư (Bộ Tài chính) thực hiện phân bổ phê duyệt.

c) Quy trình phân bổ dự toán do KBNN thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 4, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN. **2. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách địa phương để đầu tư các chương trình, dự án**

2.1. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách tỉnh để đầu tư các chương trình, dự án

Căn cứ số bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Sở Tài chính thực hiện nhập dự toán cấp 0 tương tự quy trình hướng dẫn tại điểm 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền ngân sách địa phương áp dụng cho TABMIS (Công văn số 8858/BTC-KBNN).

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền giao dự toán để đầu tư các chương trình dự án, Sở Tài chính thực hiện tương tự quy trình phân bổ vốn trong nước và phải đảm bảo số phân bổ cho các sở, ngành và cấp dưới bằng mức NSTW bổ sung có mục tiêu, cụ thể:

2.1.1. Quy trình phân bổ dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi từ cấp 0 tới cấp 1: thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 nguồn trong nước, hướng dẫn tại tiết 2.2.1.1, điểm 2.2, khoản 2, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

2.1.2. Quy trình phân bổ dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi từ cấp 1 tới cấp 4: thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 nguồn trong nước, hướng dẫn tại tiết 2.2.3.1, điểm 2.2, khoản 2, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN. **2.2. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách huyện để đầu tư các chương trình, dự án**

2.2.1. Quy trình nhập dự toán cấp 0: thực hiện tương tự quy trình nhập dự toán cấp 0, hướng dẫn tại điểm 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

2.2.2. Quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1: thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1 nguồn trong nước, hướng dẫn tại tiết 2.2.1.1, điểm 2.2, khoản 2, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

2.2.3. Quy trình phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4: thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 nguồn trong nước, hướng dẫn tại tiết 2.2.3.1, điểm 2.2, khoản 2, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN. **2.3. Quy trình**

phân bổ dự toán vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách xã

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền giao dự toán để đầu tư các chương trình dự án thuộc ngân sách xã, từ vốn chuyển giao ghi thu, ghi chi vốn vay NS huyện hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách xã. KBNN huyện thực hiện:

2.3.1. Quy trình nhập dự toán cấp 0: thực hiện tương tự quy trình nhập dự toán cấp 0, hướng dẫn tại điểm 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

2.3.2. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách xã để đầu tư các chương trình, dự án

KBNN thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 4 nguồn trong nước hướng dẫn tại tiết 2.2.2 điểm 1, mục I, phần B (đối với thường xuyên) và tiết 3.1.2, điểm 3, mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

3. Quy trình nhập dự toán NSĐP vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại theo hình thức ghi thu, ghi chi

Các quy trình nhập, phân bổ dự toán từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại thực hiện tương tự tại điểm 2, mục VI Công văn này.

4. Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi đầu tư trực tiếp cho dự án

Quy trình nhập dự toán từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương (thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 4 Quyết định số 2832/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, chỉ thực hiện nhập dự toán vào TABMIS theo quy trình phân bổ từ cấp 0 đến cấp 1).

Trách nhiệm các đơn vị tham gia nhập dự toán từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương (NSTW) để đầu tư các chương trình, dự án vào Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) thực hiện tương tự đối với vốn trong nước quy định tại Quyết định số 3281/QĐ-BTC ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy chế phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện nhập dự toán chi NSTW vào hệ thống TABMIS; Quyết định số 2832/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3281/QĐ-BTC và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có).

Dự toán cấp 0 từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi NSTW theo ngành, lĩnh vực Quốc hội quyết định hàng năm.

Dự toán giao cho đơn vị dự toán cấp 1 từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi trong cân đối NSTW theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ (hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) giao của các Bộ, cơ quan Trung ương (đơn vị dự toán cấp 1).

Dự toán từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc ngân sách trung ương để đầu tư các chương trình, dự án: thực hiện theo quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 1, cụ thể:

(1) Quy trình nhập dự toán cấp 0 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: do Vụ Vụ Ngân sách Nhà nước (Bộ Tài chính) thực hiện theo hướng dẫn tại tiết 1.1.1, điểm 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN ngày 09/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán dự toán, lệnh chi tiền ngân sách trung ương áp dụng cho TABMIS (Công văn số 8859/BTC-KBNN).

(2) Quy trình phân bổ dự toán từ cấp 0 tới cấp 1 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi: do Vụ Ngân sách Nhà nước (Bộ Tài chính) thực hiện theo hướng dẫn tại tiết 1.2.1, điểm 1.2, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN.

5. Quy trình nhập dự toán chuyển giao NS cấp trên cho NS cấp dưới từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

5.1. Quy trình nhập dự toán chuyển giao NSTW cho NSDP (NS tỉnh) từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

Dự toán chuyển giao vốn vay ngoài nước NSTW hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi chuyển giao NSTW Quốc hội quyết định hàng năm, quy trình phân bổ thực hiện tương tự quy trình phân bổ dự toán chi chuyển giao vốn trong nước, phân bổ từ cấp 0 đến cấp 4.

5.1.1. Quy trình nhập dự toán cấp 0 từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi chuyển giao NSTW Quốc hội quyết định hàng năm: do Vụ NSNN thực hiện theo hướng dẫn tại tiết 1.1.1, điểm 1.1, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN.

5.1.2. Quy trình phân bổ dự toán chuyển giao NSTW hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi từ cấp 0 tới cấp 4: thực hiện tương tự quy trình hướng dẫn tại tiết 1.4.2.1, điểm 1.4, khoản 1, mục I, phần B của Công văn số 8859/BTC-KBNN.

5.2. Quy trình nhập dự toán chuyển giao NS tỉnh cho NS huyện từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền giao dự toán ghi thu, ghi chi bổ sung cho ngân sách huyện, Sở Tài chính thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 4 nguồn trong nước hướng dẫn tại khoản 5 (trừ điểm 5.2.2), mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

5.3. Quy trình nhập dự toán chuyển giao NS huyện cho NS xã từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền giao dự toán ghi thu, ghi chi bổ sung cho ngân sách huyện, Phòng Tài chính thực hiện tương tự quy trình phân bổ từ cấp 0 tới cấp 4 nguồn trong nước hướng dẫn tại khoản 5 (trừ tiết 5.2.2), mục I, phần B của Công văn số 8858/BTC-KBNN.

VII. Phương pháp kế toán dự toán từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

1. Phương pháp kế toán dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thuộc ngân sách TW vay để đầu tư các chương trình dự án

1.1. Kế toán dự toán cấp 0:

Kế toán dự toán cấp 0 ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thuộc dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực của NSTW được Quốc hội quyết định hàng năm, thực hiện theo hướng dẫn nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật ngân sách nhà nước 2015 hướng dẫn tại Công văn số 18899/BTC-KBNN ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN.

1.2. Kế toán phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay từ cấp 0 tới cấp 1

a) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thường xuyên từ cấp 0 tới cấp 1

Nợ TK 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (877).

b) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ĐT XD CB từ cấp 0 tới cấp 1

Nợ TK 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9216 - Dự toán chi đầu tư XD CB phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (849).

1.3. Kế toán phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay từ cấp 1 đến cấp 4

a) Phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thường xuyên

Nợ TK 9595 - Dự toán GTGC thường xuyên bằng dự toán

Có TK 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1

b) Phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB

Nợ TK 9597 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB bằng dự toán

Có TK 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB phân bổ cho đơn vị cấp 1

1.4. Kế toán nhập dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước cấp 4 do KBNN thực hiện

a) Dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay thường xuyên:

Nợ TK 9595 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên bằng dự toán

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

b) Dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay đầu tư XD CB:

Nợ TK 9597 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB bằng dự toán

Có TK 9111 - Nguồn dự toán giao trong năm

2. Phương pháp kế toán dự toán NSTW chuyển giao cho NS tỉnh từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

2.2.1. Kế toán dự toán cấp 0:

Kế toán dự toán cấp 0 ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thuộc dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực của NSTW được Quốc hội quyết định hàng năm, thực hiện theo hướng dẫn nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật ngân sách nhà nước 2015 hướng dẫn tại Công văn số 18899/BTC-KBNN ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN.

2.2.2. Kế toán phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi chuyển giao từ cấp 0 tới cấp 4

a) Dự toán chi chuyển giao thường xuyên từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi:

Nợ TK 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ nguồn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

- Thực hiện bước đồng bộ hóa

Nợ TK 9810 - Đồng bộ hóa dự toán

Có TK 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (bộ sổ TW)

Đồng thời:

Nợ TK 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (bộ sổ tỉnh)

Có TK 9810 - Đồng bộ hóa dự toán

b) Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi:

Nợ TK 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

- Thực hiện bước đồng bộ hóa

Nợ TK 9810 - Đồng bộ hóa dự toán

Có TK 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm (bộ sổ TW)

Đồng thời:

Nợ TK 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi giao từ vốn vay ngoài nước trong năm (bộ sổ tỉnh)

Có TK 9810 - Đồng bộ hóa dự toán

c) Dự toán chi chuyển giao từ nguồn vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

- Thực hiện bước đồng bộ hóa

Nợ TK 9810 - Đồng bộ hóa dự toán

Có TK 9629 - Dự toán chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm (bộ sổ TW)

Đồng thời:

Nợ TK 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm (bộ sổ tỉnh)

Có TK 9810 - Đồng bộ hóa dự toán

3. Phương pháp kế toán dự toán ngân sách tỉnh chuyển giao cho NS huyện, NS huyện chuyển giao cho NS xã từ nguồn vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi

3.1. Kế toán dự toán cấp 0

Kế toán dự toán cấp 0 vốn vay ngoài nước, vốn viện trợ bổ sung có mục tiêu cho NS cấp dưới theo hình thức ghi thu, ghi chi thuộc dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực của NSDP được HĐND quyết định hàng năm, thực hiện theo hướng dẫn nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật Ngân sách nhà nước 2015 hướng dẫn tại Công văn số 18899/BTC-KBNN ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN.

3.2. Kế toán phân bổ dự toán bổ sung có mục tiêu ghi thu, ghi chi chuyển giao từ cấp 0 tới cấp 4

Dự toán chi chuyển giao thường xuyên từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9624 - Dự toán chi chuyển giao thường xuyên ghi thu, ghi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi phân bổ cho đơn vị cấp 0

(Lựa chọn cấp NS tương ứng)

Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB từ nguồn vốn vay ngoài nước ghi thu, ghi chi

Nợ TK 9625 - Dự toán chi chuyển giao đầu tư XD CB ghi thu, ghi chi chi từ vốn vay ngoài nước giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

(Lựa chọn cấp NS tương ứng)

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ

Nợ TK 9629 - Dự toán chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ giao trong năm

Có TK 9229 - Dự toán chi chuyển giao phân bổ cấp 0

(Lựa chọn cấp NS tương ứng)

4. Phương pháp kế toán dự toán ngân sách địa phương đầu tư cho dự án từ nguồn vốn vay ngoài nước được chuyển giao từ ngân sách cấp trên theo hình thức ghi thu, ghi chi

4.1. Kế toán dự toán cấp 0:

Kế toán dự toán cấp 0 ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước thuộc dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực của NSDP được HĐND quyết định hàng năm, thực hiện theo hướng dẫn nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật ngân sách nhà nước 2015 hướng dẫn tại Công văn số 18899/BTC-KBNN ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN.

4.2. Kế toán phân bổ từ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước từ cấp 0 tới cấp 1

a) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay nước ngoài cho thường xuyên từ cấp 0 tới cấp 1

Nợ TK 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9213 - Dự toán chi thường xuyên phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (877).

b) Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước cho đầu tư XDCB từ cấp 0 tới cấp 1

Nợ TK 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB phân bổ cho đơn vị cấp 1

Có TK 9216 - Dự toán chi đầu tư XDCB phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (849).

4.3. Kế toán phân bổ từ dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước từ cấp 1 tới cấp 4

a) Phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước cho chi thường xuyên:

Nợ TK 9595 - Dự toán GTGC thường xuyên bằng dự toán

Có TK 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1

b) Phân bổ từ cấp 1 tới cấp 4 dự toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước cho chi đầu tư XDCB

Nợ TK 9597 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB bằng dự toán

Có TK 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB phân bổ cho đơn vị cấp 1

5. Phương pháp kế toán nhập dự toán ghi thu, ghi chi NSDP đầu tư cho dự án vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại

5.1. Quy trình nhập dự toán cấp 0 ghi thu, ghi chi NSDP vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại

Kế toán dự toán cấp 0 ghi thu, ghi chi vốn vay thuộc dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực của NSDP được Hội đồng nhân dân quyết định hàng năm đảm bảo phần ngân sách địa phương phân bổ cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn này không vượt tổng mức được vay Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo hướng dẫn nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật Ngân sách nhà nước 2015 hướng dẫn tại Công văn số 18899/BTC-KBNN ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN 2015.

5.2. Kế toán dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới từ nguồn vay về cho vay lại theo hình thức ghi thu, ghi chi

Thực hiện tương tự điểm 3, phần VII nêu trên.

5.3. Phương pháp kế toán dự toán ghi thu, ghi chi NSDP vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại

Thực hiện tương tự điểm 4, phần VII nêu trên.

6. Phương pháp kế toán dự toán ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn viện trợ

Kế toán dự toán cấp 0 ghi thu, ghi chi vốn viện trợ thuộc dự toán chi ngân sách theo lĩnh vực của NSTW, NSDP được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định hàng năm, thực hiện theo hướng dẫn nhập dự toán theo nhiệm vụ chi của Luật Ngân sách nhà nước 2015 hướng dẫn tại Công văn số 18899/BTC-KBNN ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ KTNN áp dụng cho TABMIS liên quan đến một số điểm mới của Luật NSNN 2015.

Phân bổ dự toán ghi thu, ghi chi vốn viện trợ đầu tư từ cấp 0 tới cấp 1

Nợ TK 9263 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cho đơn vị cấp 1 (chi tiết mã nguồn 52, 53)

Có TK 9223 - Dự toán chi viện trợ phân bổ cấp 0

Lưu ý: Phân đoạn mã ngành kinh tế của tổ hợp tài khoản cấp 0, cấp 1 cùng mã nhiệm vụ chi (931).

VIII. Phương pháp kế toán ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước và vốn viện trợ

1. Ghi thu ghi chi vốn vay ngoài nước cấp phát trực tiếp cho dự án

1.1. Đối với dự án do Sở Giao dịch KBNN thực hiện kiểm soát chi:

Tại Sở Giao dịch KBNN

- Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8954, 8956 (chi tiết mã nguồn 52 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW để đầu tư các chương trình, dự án, chi tiết theo nhà tài trợ, NS cấp 1)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Đồng thời lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 3644 - Vay dài hạn nước ngoài ghi thu, ghi chi trong hạn (NS cấp 1)

Đồng thời ghi (GL):

Nợ TK 1381 - Thanh toán gốc vay

Có TK 5311 - Chênh lệch cân đối thu chi và nợ vay chờ xử lý

1.2. Đối với dự án do KBNN địa phương thực hiện kiểm soát chi:

- Tại KBNN nơi giao dịch:

Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn vay ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8954, 8956 (chi tiết mã nguồn 52 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW để đầu tư các chương trình, dự án, chi tiết theo nhà tài trợ, NS cấp 1)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Đồng thời ghi (GL):

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 3863 - Lệnh chuyển Có LKB đi ngoại tỉnh

- Tại Sở Giao dịch KBNN:

Căn cứ Lệnh chuyển Có LKB đến kiêm chứng từ phục hồi, kế toán ghi (GL):

Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).

+ Mã KBNN

- Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm được điều chỉnh tăng.

Bên Có:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm đã phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng được điều chỉnh giảm.

Số dư Nợ:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

17. Tài khoản 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm

Tài khoản 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm là tài khoản cấp 3 của tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm giữa các cấp ngân sách, gồm: Giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách cấp tỉnh; giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; giữa ngân sách huyện và ngân sách xã.

b) Nguyên tắc hạch toán

hạch toán kế toán thu, chi chuyển giao từ nguồn vốn vay ngoài nước theo hình thức ghi thu, ghi chi, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 8314, 8315

Có TK 7312 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi

Lựa chọn cấp ngân sách tương ứng:

- Đối với số ghi thu, ghi chi ngân sách tỉnh, thực hiện bút toán chi NSTW, thu ngân sách tỉnh

- Đối với số ghi thu, ghi chi ngân sách huyện, thực hiện bút toán chi NS tỉnh, thu ngân sách huyện

- Đối với số ghi thu, ghi chi ngân sách xã, thực hiện bút toán chi NS huyện, thu ngân sách xã.

3. Ghi thu, ghi chi đối với dự án sử dụng vốn vay ngoài nước thuộc diện cho ngân sách tỉnh vay lại

3.1. Trường hợp ghi thu, ghi chi cho dự án của tỉnh quản lý:

a) Đối với dự án do KBNN tỉnh thực hiện kiểm soát chi:

Tại Văn phòng KBNN tỉnh:

Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8954, 8956 (chi tiết mã nguồn 54 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại, chi tiết theo nhà tài trợ, NS cấp 2)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Đồng thời lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 3637 - Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại (theo từng nhà tài trợ, NS cấp 2)

Đồng thời ghi (GL):

Nợ TK 1381 - Thanh toán gốc vay

Có TK 5311 - Chênh lệch cân đối thu chi và nợ vay chờ xử lý

b) Đối với dự án do KBNN huyện thực hiện kiểm soát chi:

+ Tại KBNN huyện:

Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8954, 8956 (chi tiết mã nguồn 54 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại, chi tiết theo nhà tài trợ, NS cấp 2)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Đồng thời ghi (GL):

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 3853 - Lệnh chuyển Có LKB đi nội tỉnh

+ Tại VP KBNN tỉnh:

Căn cứ Lệnh chuyển Có LKB đến kiểm chứng từ phục hồi, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 3856 - Lệnh chuyển Có LKB đến

Có TK 3637 - Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại (theo từng nhà tài trợ, NS cấp 2)

Đồng thời lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 1381 - Thanh toán gốc vay

Có TK 5311 - Chênh lệch cân đối thu chi và nợ vay chờ xử lý

3.2. Trường hợp ghi thu, ghi chi vốn ODA vay về cho địa phương vay lại bổ sung có mục tiêu cho NS cấp dưới:

a) Trường hợp ghi thu, ghi chi cho dự án của huyện quản lý

* Tại KBNN huyện:

- Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 8314, 8315 (NS cấp 2)

Có TK 7312 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi (NS cấp 3)

- Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8954, 8956 (chi tiết mã nguồn 54 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại, chi tiết theo nhà tài trợ, NS cấp 3)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 3853 - Lệnh chuyển Có LKB đi nội tỉnh

* Tại Văn phòng KBNN tỉnh:

Căn cứ Lệnh chuyển Có kèm chứng từ phục hồi, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 3856 - Lệnh chuyển Có LKB đến nội tỉnh

Có TK 3637 - Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại (theo từng nhà tài trợ, NS cấp 2)

Đồng thời lập Phiếu chuyển khoản, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1381 - Thanh toán gốc vay

Có TK 5311 - Chênh lệch cân đối thu chi và nợ vay chờ xử lý

b) Trường hợp ghi thu, ghi chi cho dự án của xã quản lý

* Tại KBNN huyện:

- Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán lập Phiếu chuyển khoản ghi (GL):

Nợ TK 8314, 8315 (NS cấp 2)

Có TK 7312 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi (NS cấp 3)

Nợ TK 8314, 8315 (NS cấp 3)

Có TK 7312 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách theo hình thức ghi thu, ghi chi (NS cấp 4)

- Căn cứ Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi vốn ODA của chủ dự án sau khi kiểm soát đảm bảo đủ thủ tục chi theo quy định, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8954, 8956 (chi tiết mã nguồn 54 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước của Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại, chi tiết theo nhà tài trợ, NS cấp 4)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 3853 - Lệnh chuyển Có LKB đi nội tỉnh

* Tại Văn phòng KBNN tỉnh:

Căn cứ Lệnh chuyển Có kèm chứng từ phục hồi, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 3856 - Lệnh chuyển Có LKB đến nội tỉnh

Có TK 3637 - Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại (theo từng nhà tài trợ, NS cấp 2)

Đồng thời lập Phiếu chuyển khoản, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 1381 - Thanh toán gốc vay

Có TK 5311 - Chênh lệch cân đối thu chi và nợ vay chờ xử lý

Lưu ý:

Trong trường hợp ghi thu, ghi chi cho dự án, chương trình bị vượt dự toán do chênh lệch tỷ giá, ngoài việc hạch toán ghi thu, ghi chi cho dự án, chương trình theo hướng dẫn ở trên (số tiền bằng với số dự toán được giao, kế toán lập Phiếu chuyển khoản (để hạch toán số tiền vượt dự toán do chênh lệch tỷ giá) ghi (GL):

Nợ TK 5423 - Chênh lệch tỷ giá thực tế } Số tiền VNĐ chênh
Có TK 7111 - Thu NSNN qua GTGC } lệch

4. Ghi thu, ghi chi cho dự án được viện trợ nước ngoài

4.1. Trường hợp vốn viện trợ đầu tư trực tiếp cho dự án

Tại KBNN nơi dự án mở tài khoản:

Căn cứ Lệnh ghi thu, ghi chi do Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại gửi, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8955, 8957 (chi tiết mã nguồn 52 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW để đầu tư các chương trình, dự án)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 7113 - Thu NSNN qua ghi thu, ghi chi (NS cấp 1, TM viện trợ cho chi TX, chi đầu tư tương ứng)

4.2. Trường hợp vốn viện trợ bổ sung có mục tiêu cho NS cấp dưới

- Tại KBNN nơi giao dịch:

Căn cứ Lệnh ghi thu, ghi chi do Cơ quan Tài chính gửi, kế toán ghi (GL):

Nợ TK 8955, 8957 (chi tiết mã nguồn 53 - Ghi thu, ghi chi vốn vay ngoài nước, viện trợ NSTW bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương)

Có TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Nợ TK 3981 - Ghi thu, ghi chi ngân sách

Có TK 7113 – Thu qua ghi thu, ghi chi (NS cấp tương ứng, TM viện trợ cho chi TX, chi đầu tư tương ứng)

4.3. *Kế toán thu, chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới từ nguồn vốn viện trợ theo hình thức ghi thu, ghi chi*

Thực hiện tương tự tiết 2.2 điểm 2 mục VIII Công văn này, sử dụng tài khoản 8316.

Lưu ý:

- Các tài khoản 3644, 3653, 8954, 8955, 8956, 8957, 7113, 7312, 8314, 8315, 8316 không được phép tính vào tồn quỹ ngân sách.

- Các đơn vị KBNN nơi giao dịch (Bộ phận Kiểm soát chi) chịu trách nhiệm kiểm soát số giải ngân vốn ODA trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các đơn vị KBNN nơi giao dịch (Bộ phận Kiểm soát chi) thực hiện đối chiếu số ghi chi theo hình thức ghi thu, ghi chi với các dự án.

Công văn hướng dẫn hạch toán kế toán dự toán, ghi thu, ghi chi vốn ODA và vốn vay ngoài nước được áp dụng từ năm ngân sách 2017. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) để nghiên cứu, thống nhất giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc KBNN;
- Lưu: VT, KBNN (270 bản) ↙

TL. BỘ TRƯỞNG
TỔNG GIÁM ĐỐC KHO BẠC NHÀ NƯỚC



Nguyễn Hồng Hà

Phụ lục I

NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG VÀ KẾT CẤU TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

(Kèm theo Công văn số 4754 /BTC-KBNN ngày 11/4/2017 của Bộ Tài chính)

1. Tài khoản 1982 - Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền

Tài khoản 1982 - Tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền là tài khoản cấp 3 của tài khoản 1981 - Tạm ứng kinh phí khác.

a) Mục đích

Tài khoản này để phản ánh các khoản tạm ứng của NSTW để trả nợ cho nhà đầu tư nước ngoài khi quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài chưa có tiền chi trả.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán khoản chi tạm ứng phải căn cứ vào dự toán ngân sách được giao trong năm theo quy định.

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có)

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài bằng Lệnh chi tiền.

Bên Có:

Phản ánh số giảm tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ

nước ngoài do chuyển từ tạm ứng thành thực chi ngân sách.

Số dư Nợ:

Phản ánh số tạm ứng trả nợ vốn vay nước ngoài cho quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài còn lại chưa thanh toán.

2. Tài khoản 3637 - Vay Chính phủ từ nguồn vay ngoài nước cho ngân sách địa phương vay lại

a) Mục đích

Tài khoản này là tài khoản cấp 2 của tài khoản 3631 - Vay dài hạn trong nước để phản ánh khoản vay của Ngân sách tỉnh vay lại của Chính phủ từ khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Phản ánh vào tài khoản này là toàn bộ số nợ vay gốc của địa phương vay Chính phủ từ nguồn ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho ngân sách địa phương vay lại. Khi thanh toán trả Nợ gốc ghi giảm tài khoản phải trả nợ vay, thanh toán trả lãi vay hạch toán vào tài khoản chi ngân sách (TK 8941).

- Tài khoản này được hạch toán kết hợp với các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh số ngân sách tỉnh đã trả nợ gốc tiền vay cho Chính phủ.
- Phản ánh số ngân sách tỉnh trả nợ trước hạn gốc tiền vay cho Chính phủ.
- Phản ánh số nợ gốc tiền vay của ngân sách tỉnh từ Chính phủ chuyển sang nợ quá hạn.

Bên Có:

Phản ánh số tiền ngân sách tỉnh vay lại của Chính phủ từ nguồn ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho ngân sách địa phương vay lại.

Số dư Có:

Phản ánh số tiền vay ngân sách tỉnh vay lại của Chính phủ từ nguồn ODA, vay ưu đãi nước ngoài cho ngân sách địa phương vay lại chưa thanh toán.

3. Tài khoản 3644 - Vay dài hạn nước ngoài ghi thu, ghi chi trong hạn

a) Mục đích

Tài khoản này phản ánh tình hình biến động tăng, giảm và số hiện có các khoản vay nước ngoài trong hạn bằng hình thức ghi thu, ghi chi có thời hạn từ một năm trở lên.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Kế toán khoản nợ vay dài hạn nước ngoài ghi thu, ghi chi trong hạn được hạch toán chi tiết theo các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (nếu có).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh số đã trả nợ gốc tiền vay.
- Phản ánh số trả nợ trước hạn gốc tiền vay.
- Phản ánh số nợ gốc tiền vay chuyển sang nợ quá hạn.

Bên Có:

Phản ánh số tiền vay dài hạn từ các tổ chức ngoài nước.

Số dư Có:

Phản ánh số tiền vay dài hạn nước ngoài chưa thanh toán.

4. Tài khoản 3653 - Phải trả tiền vay của Chính phủ vay về cho ngân sách địa phương vay lại đã được nhận nợ

a) Mục đích

Tài khoản này là tài khoản cấp 2 của tài khoản 3650 - Phải trả về tiền vay dài hạn nước ngoài đã được nhận nợ, phản ánh số vay của Chính phủ vay về cho địa phương vay lại chưa được cấp phát về cho địa phương.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ hạch toán tài khoản này khi có căn cứ về các khoản vay nợ nhưng chưa có chứng từ về việc tiền đã chuyển về tài khoản của KBNN hoặc đã được cấp phát cho các đơn vị, dự án.

- Tài khoản này được sử dụng để hạch toán các khoản vay nước ngoài về hỗ trợ ngân sách; vay về cấp phát cho dự án; vay về cho vay lại đã được nhà tài trợ thông báo giải ngân (chuyển tiền) về tài khoản cho đối tượng được hưởng.

- Tài khoản này được hạch toán kết hợp với các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh số tiền vay đã được cấp phát về cho địa phương.

Bên Có:

Phản ánh số nợ vay Chính phủ cho ngân sách địa phương vay lại.

Số dư Có:

Phản ánh số vay của Chính phủ vay về cho địa phương vay lại chưa được cấp phát về cho địa phương.

5. Tài khoản 7113 - Thu NSNN qua ghi thu, ghi chi

Tài khoản 7113 - Thu NSNN qua hình thức ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 2 của tài khoản 7110 - Thu ngân sách nhà nước.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh số thu của NSNN bằng hình thức ghi thu, ghi chi theo mục lục Ngân sách Nhà nước tương ứng cho ngân sách các cấp.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Việc phản ánh trên tài khoản thu NSNN phải tuyệt đối chấp hành chế độ tập trung, quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN.

- Các khoản thu NSNN phát sinh năm nào được hạch toán vào thu NSNN năm đó; các khoản thu thuộc ngân sách năm trước, nếu nộp trong năm sau thì hạch toán và quyết toán vào ngân sách năm sau.

- Kế toán thu NSNN được hạch toán chi tiết theo các đoạn mã sau:
- + Mã quỹ
- + Mã nội dung kinh tế
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách (Mã cơ quan thu)
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

Phản ánh các khoản điều chỉnh giảm thu NSNN qua ghi thu, ghi chi.

Bên Có:

Phản ánh các khoản thu NSNN qua ghi thu, ghi chi.

Số dư Có:

Số dư Có của tài khoản này phản ánh số thu ngân sách qua ghi thu, ghi chi tại thời điểm hiện hành của từng kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư đầu năm.

6. Tài khoản 7312 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi

Tài khoản 7312 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 2 của tài khoản 7310 - Thu chuyển giao các cấp ngân sách.

a) Mục đích

Tài khoản này phản ánh các khoản thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi (không bao gồm thu chuyển giao giữa các cấp bằng hình thức ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ), được kết hợp với mục thu trong cân đối ngân sách, không kết hợp với mục tạm thu chưa đưa vào cân đối NSNN.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Việc phản ánh trên tài khoản này phải đảm bảo mục Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên phải bằng mục Chi bổ sung cho NS cấp dưới (kết hợp chéo).

- Kế toán chi tiết thu NSNN phải kết hợp tài khoản này với các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ

- + Mã nội dung kinh tế (Chi tiết Mục 4650, 4700, Mục 0012)
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách (Mã tổ chức ngân sách)
- + Mã địa bàn hành chính
- + Mã chương
- + Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản điều chỉnh giảm thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi.
- Phản ánh các khoản thu hồi thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

Bên Có:

- Phản ánh các khoản thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi.
- Phản ánh số thu ngân sách cấp dưới nộp ngân sách cấp trên bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

Số dư Có:

Số dư Có của tài khoản này phản ánh số thu chuyển giao ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi tại thời điểm hiện hành của từng kỳ kế toán.

7. Tài khoản 8314 - Chi chuyển giao thường xuyên các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi

Tài khoản 8314 - Chi chuyển giao thường xuyên các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi là tài khoản cấp 2 của tài khoản 8310 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chuyển giao về thường xuyên bằng hình thức ghi thu, ghi chi giữa các cấp ngân sách trong năm.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán khoản kinh phí chi chuyển giao thường xuyên phải căn cứ vào dự toán được duyệt.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách nơi nhận kinh phí hoặc mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của xã trong trường hợp chi chuyển giao cho xã.

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)

+ Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao thường xuyên bằng hình thức ghi thu, ghi chi trong năm.

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao thường xuyên bằng hình thức ghi thu, ghi chi phải thu hồi nộp trả NS cấp trên khi quyết toán thu, chi NSNN năm trước đã được phê duyệt.

Bên Có:

Phản ánh số giảm chi do thu hồi kinh phí chi chuyển giao thường xuyên bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

8. Tài khoản 8315 - Chi chuyển giao đầu tư XDCB các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách về đầu tư XD CB giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi trong năm.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán khoản kinh phí chi chuyển giao đầu tư XD CB phải căn cứ vào dự toán được duyệt.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách nơi nhận kinh phí hoặc mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của xã trong trường hợp chi chuyển giao cho xã.

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)

+ Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao đầu tư XD CB bằng hình thức ghi thu, ghi chi trong năm.

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao đầu tư XD CB bằng hình thức ghi thu, ghi chi phải thu hồi nộp trả NS cấp trên khi quyết toán thu, chi NSNN năm trước đã được phê duyệt.

Phản ánh số giảm chi do thu hồi kinh phí chi chuyển giao đầu tư XDCB bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

9. Tài khoản 8316 - Chi chuyển giao các cấp ngân sách từ nguồn viện trợ bằng hình thức ghi thu, ghi chi

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách về đầu tư XDCB giữa các cấp ngân sách bằng hình thức ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ bằng hình thức ghi thu, ghi chi trong năm.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Chi hạch toán vào tài khoản này số liệu chi ngân sách trong kỳ của năm ngân sách tương ứng.

- Hạch toán khoản kinh phí chi chuyển giao từ nguồn viện trợ phải căn cứ vào dự toán được duyệt.

- Chi NSNN phát sinh trong thời gian chính lý quyết toán NSNN năm trước sẽ tiếp tục được hạch toán vào kỳ năm trước, sau đó tiếp tục chạy chương trình tính toán cân đối thu chi để chuyển chênh lệch thu chi sang năm sau.

- Tài khoản này được tính chênh lệch cân đối thu chi (sau 31/12 trở đi).

- Tài khoản này được kết hợp với các đoạn mã như sau:

+ Mã quỹ

+ Mã nội dung kinh tế

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách nơi nhận kinh phí hoặc mã đơn vị có quan hệ với ngân sách của xã trong trường hợp chi chuyển giao cho xã.

+ Mã địa bàn hành chính

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (nếu có)

+ Mã KBNN.

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao từ nguồn viện trợ bằng hình thức ghi thu, ghi chi trong năm.

- Phản ánh các khoản chi chuyển giao nguồn viện trợ bằng hình thức ghi thu, ghi chi phải thu hồi nộp trả NS cấp trên khi quyết toán thu, chi NSNN năm trước đã được phê duyệt.

Bên Có:

Phản ánh số giảm chi do thu hồi kinh phí chi chuyển giao nguồn viện trợ bằng hình thức ghi thu, ghi chi.

Số dư Nợ:

Số dư Nợ của tài khoản này phản ánh số chi ngân sách của năm ngân sách tương ứng. Sang đầu năm tiếp theo số dư của tài khoản này bằng không (=0).

10. Tài khoản 9234 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cấp 0

Tài khoản 9234 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cấp 0 là tài khoản cấp 2 của tài khoản 9210 - Dự toán NSNN được duyệt.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán thường xuyên bằng hình thức ghi thu, ghi chi được duyệt ở mức tổng hợp (gọi là dự toán cấp 0) được Quốc hội (với dự toán TW) và Hội đồng nhân dân (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã) phê duyệt.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên được phê duyệt tại mức tổng hợp (cấp 0) của cấp có thẩm quyền.

- Khi xuất dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí thường xuyên ghi thu, ghi chi cấp 0 được giao.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán cấp 0.

Bên Có:

- Dự toán kinh phí thường xuyên ghi thu, ghi chi cấp 0 đã phân bổ.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán cấp 0.

Số dư Nợ:

Dự toán thường xuyên ghi thu, ghi chi cấp 0 còn lại.

11. Tài khoản 9235 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB phân bổ cấp 0

Tài khoản 9235 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB phân bổ cấp 0 là tài khoản cấp 2 của tài khoản 9210 - Dự toán NSNN được duyệt.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán đầu tư XD CB bằng hình thức ghi thu, ghi chi được duyệt ở mức tổng hợp (gọi là dự toán cấp 0) được Quốc hội (với dự toán TW) và Hội đồng nhân dân (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã) phê duyệt.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán đầu tư XD CB bằng hình thức ghi thu, ghi chi được phê duyệt tại mức tổng hợp (cấp 0) của cấp có thẩm quyền.

- Khi xuất dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí đầu tư XDCC ghi thu, ghi chi cấp 0 được giao.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán cấp 0.

Bên Có:

- Dự toán kinh phí đầu tư XDCC ghi thu, ghi chi cấp 0 đã phân bổ.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán cấp 0.

Số dư Nợ:

Dự toán đầu tư XDCC ghi thu, ghi chi cấp 0 còn lại.

12. Tài khoản 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1

Tài khoản 9264 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên phân bổ cho đơn vị cấp 1 là tài khoản cấp 2 của tài khoản 9250 - Dự toán phân bổ cho đơn vị cấp 1.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi thường xuyên ghi thu, ghi chi được giao trong năm phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được phân bổ từ dự toán cấp 0, chi tiết theo mã lĩnh vực, mã CTMT, mã chương, mã đơn vị dự toán cấp 1, mã nguồn; được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán TW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã) cho đơn vị dự toán cấp 1.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên cấp 1 được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí ghi thu, ghi chi thường xuyên cấp 1 được giao.
- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên cấp 1.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên cấp 1.
- Dự toán kinh phí ghi thu, ghi chi thường xuyên đã phân bổ.

Số dư Nợ:

Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên cấp 1 còn lại chưa được phân bổ.

13. Tài khoản 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB phân bổ cho đơn vị cấp 1

Tài khoản 9265 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB phân bổ cho đơn vị cấp 1 là tài khoản cấp 2 của tài khoản 9250 - Dự toán phân bổ cho đơn vị cấp 1.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi đầu tư XDCB ghi thu, ghi chi được giao trong năm phân bổ cho đơn vị dự toán cấp 1 được phân bổ từ dự toán cấp 0, chi tiết theo mã lĩnh vực, mã CTMT, mã chương, mã đơn vị dự toán cấp 1, mã nguồn; được Thủ tướng chính phủ giao (với dự toán TW) và Ủy ban nhân dân giao (với dự toán cấp tỉnh, huyện, xã) cho đơn vị dự toán cấp 1.

b) Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB cấp 1 được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Khi phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán kinh phí ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB cấp 1 được giao.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB cấp 1.

Bên Có:

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB cấp 1.

- Dự toán kinh phí ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB đã phân bổ.

Số dư Nợ:

Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XD CB cấp 1 còn lại chưa được phân bổ.

14. Tài khoản 9594 - Dự toán ghi thu, ghi chi

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán chi ghi thu ghi chi được phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 (bao gồm dự toán chi thường xuyên và dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản được giao trong năm).

b) Nguyên tắc hạch toán

- Hạch toán tài khoản này phải căn cứ: Dự toán ghi thu ghi chi thường xuyên, ghi thu ghi chi ĐTXD CB được phê duyệt cấp 1 của cấp có thẩm quyền.

- Phân bổ dự toán trong phạm vi tổng mức được giao.

- Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

+ Mã quỹ

+ Mã cấp ngân sách

+ Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách

+ Mã chương

+ Mã ngành kinh tế

+ Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).

+ Mã KBNN

+ Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Phản ánh dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB của đơn vị dự toán cấp 4 được phân bổ.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB cấp 4.

Bên Có:

- Điều chỉnh giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB của đơn vị dự toán cấp 4.

- Điều chỉnh hủy, giảm dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB dự toán cấp 4.

Số dư Nợ:

- Phản ánh dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên, đầu tư XDCB của đơn vị dự toán cấp 4 được sử dụng.

Tài khoản 9594 - Dự toán ghi thu, ghi chi có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

(1) Tài khoản 9595 - Dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 bằng dự toán.

(2) Tài khoản 9597 - Dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB bằng dự toán: Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB trong năm phân bổ từ dự toán đơn vị dự toán cấp 1 cho đơn vị dự toán cấp 4 bằng dự toán.

15. Tài khoản 9624 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm

Tài khoản 9624 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm là tài khoản cấp 3 của tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi chuyển giao ghi thu, ghi chi cho chi thường xuyên giao trong năm giữa các cấp ngân sách, gồm: Giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách cấp tỉnh; giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; giữa ngân sách huyện và ngân sách xã.

b) Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.
- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm được điều chỉnh tăng.

Bên Có:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm đã phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng được điều chỉnh giảm.

Số dư Nợ:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi thường xuyên giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

16. Tài khoản 9625 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm

Tài khoản 9625 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm là tài khoản cấp 3 của tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi chuyển giao ghi thu, ghi chi cho chi đầu tư XDCB giao trong năm giữa các cấp ngân sách, gồm: Giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách cấp tỉnh; giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; giữa ngân sách huyện và ngân sách xã.

b) Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án).
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.
- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm được điều chỉnh tăng.

Bên Có:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm đã phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng được điều chỉnh giảm.

Số dư Nợ:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi đầu tư XDCB giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

17. Tài khoản 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm

Tài khoản 9629 - Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm là tài khoản cấp 3 của tài khoản 9621 - Dự toán chi chuyển giao ngân sách giao trong năm.

a) Mục đích

Tài khoản này dùng để theo dõi dự toán kinh phí chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm giữa các cấp ngân sách, gồm: Giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách cấp tỉnh; giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; giữa ngân sách huyện và ngân sách xã.

b) Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản này được kết hợp các đoạn mã sau:

- + Mã quỹ
- + Mã cấp ngân sách
- + Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách: Mã tổ chức ngân sách
- + Mã chương
- + Mã ngành kinh tế
- + Mã chương trình mục tiêu, dự án (đối với các khoản chi thuộc các chương trình mục tiêu, dự án)
- + Mã KBNN
- + Mã nguồn NSNN (chi tiết theo tính chất nguồn kinh phí).

c) Kết cấu và nội dung tài khoản

Bên Nợ:

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

- Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm được điều chỉnh tăng.

Bên Có:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm đã phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng được điều chỉnh giảm.

Số dư Nợ:

Dự toán chi chuyển giao ghi thu, ghi chi từ nguồn viện trợ giao trong năm được phân bổ cho tổ chức ngân sách tương ứng.

Phụ lục II
DANH MỤC MÃ NHÀ TÀI TRỢ
(Hạch toán tại phân đoạn mã Địa bàn hành chính)
(Kèm theo Công văn số 4754/BTC-KBNN ngày 11 tháng 4 năm 2017
của Bộ Tài chính)

STT	Mã số	Tên chủ nợ	Quốc gia	Ghi chú
1	N0101	Angerie	ALGERIA	
2	N0201	OeKB	AUSTRIA	
3	N0202	RBI		
4	N0203	UniCredit Bank		
5	N0204	Volksbank		
6	N0301	Fortis (ODA)	BELGIUM	
7	N0302	General Bank		
8	N0303	Govt. of Belgium		
9	N0304	KBC Bank		
10	N0305	NBB		
11	N0401	China Eximbank	CHINA, P.R. OF	
12	N0402	China Gov		
13	N0501	Gov. of Denmark	DENMARK	
14	N0502	Nordea		
15	N0601	BNP-FINLAND	FINLAND	
16	N0602	Nordea Finland		
17	N0603	Handelsbanken		
18	N0701	A.F.D	FRANCE	
19	N0702	BF		
20	N0703	COFACE		
21	N0704	France, Gov't of		
22	N0801	Hermes	GERMANY, FED.REP. OF	
23	N0802	Kfw		
24	N0803	Stadtbank Berlin		
25	N0901	Eximbank Hungary	HUNGARY	
26	N1001	Exim of India	INDIA	
27	N1002	GOI		
28	N1101	Iraq Government	IRAQ	
29	N1201	Israeli Govt	ISRAEL	
30	N1301	Artigiancassa (ODA)	ITALY	
31	N1302	Gov. of Italia		
32	N1303	SACE		
33	N1304	Casa Deposite e Prestiti S.P.A		
34	N1401	JICA	JAPAN	
35	N1501	KEXIMBANK	KOREA, REP. OF	
36	N1601	KFAED	KUWAIT	
37	N1701	DNIB	NETHERLANDS	

STT	Mã số	Tên chủ nợ	Quốc gia	Ghi chú
38	N1801	KfW - NORAD	NORWAY	
39	N1901	GOV. OF POLAND	POLAND	
40	N2001	Government of Russia	RUSSIA FEDERATION	
41	N2101	Saudi Fund	SAUDI ARABIA	
42	N2201	ICO	SPAIN	
43	N2301	SWEDEN	SWEDEN	
44	N2401	FOFEA	SWITZERLAND	
45	N2501	Thailand Gov't of	THAILAND	
46	N2601	ECGD	UNITED KINGDOM	
47	N2701	USAID	UNITED STATES	
48	N2801	ADB	INTERNATIONAL ORGANIZATION	
49	N2802	IBRD		
50	N2803	IDA		
51	N2804	IFAD		
52	N2805	NDF		
53	N2806	NIB		
54	N2807	OFID		
55	N2901	EIB		LUXEMBOURG
56	N3001	CFSB	UNITED STATES	
57	N3101	CITIBANK NEW YORK		
58	N3201	Deutsche Bank	UNKNOWN	
59	N3202	DB		
60	N3301	Citi	VIET NAM	
61	N3401	BNP	FRANCE	
62	N3501	Abu Dhabi Fund	UAE	
63	N3601	Chính phủ các nước		Bổ sung để GTGC viện trợ KHL
64	N3701	Các tổ chức quốc tế (UNDP, UNFPA, UNICEF..)		
65	N3801	Các tổ chức phi Chính phủ		
66	N9901	Các nhà tài trợ khác		